TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HS-ST
Ngày: 18-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh H – Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Thị Ngọc H, sinh ngày 17/10/1998 tại tỉnh Đồng Nai; thường trú: Tổ A, Ấp B, xã Long A, huyện Long T, tỉnh Đồng Nai; nơi ở hiện tại: Số C Đường số D, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Thợ làm móng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Trung L (đã chết) và bà Trần Thị C, sinh năm 1969; chồng tên Nguyễn Văn Việt N, sinh 1995; có 02 con sinh năm 2018 và 2023; tiền án, tiền sự: Không; từ ngày 04/10/2024 đến nay bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1974; cư trú tại: Số i đường T, phường Tân Thới H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1999; cư trú tại: Số M đường Phạm Văn C, Phường L, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Phạm Thế T, sinh năm 1990; cư trú tại: Số Quốc Lộ 1A, phường Binh H, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Trần Thị Thu T là nhân viên Công ty Seven Star tại địa chỉ 73 Đường số 59, Phường 14, quận G, khoảng 12 giờ ngày 17/07/2024, khi đi ăn trưa, bà T làm rơi chiếc điện thoại OPPO RENO 12 5G màu hồng cạnh túi xách của bị cáo Bùi Thị Ngọc H. H đã lấy chiếc điện thoại của bà T và giấu trong người. Đến 18 giờ cùng ngày, H mang điện thoại đã trộm được đến tiệm cầm đồ Hoàng T; địa chỉ số M đường Phạm Văn C, Phường L, quận G gặp ông Nguyễn Văn N để cầm cố với giá 6.000.000 đồng.

Đến ngày 27/7/2024, do sợ bị phát hiện nên H nhắn tin nhờ ông N thanh lý chiếc điện thoại đã cầm cố. Sau đó, ông N đã bán chiếc điện thoại nêu trên cho ông Phạm Thế T với giá 8.200.000 đồng.

Bị hại bà Trần Thị Thu T đã nhận lại được chiếc điện thoại bị lấy trộm và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N không biết chiếc điện thoại do H cầm cố là tài sản mà H trộm cắp được. Lúc cầm cố, điện thoại không có cài đặt mật khẩu. Ông N đã trả lại tiền cho ông T. Ông N yêu cầu H phải trả lại cho ông số tiền 6.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thế T không biết chiếc điện thoại OPPO RENO 12 5G là tài sản trộm cắp. Ông T đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại cho cơ quan Cảnh sát điều tra; đã nhận lại số tiền mua điện thoại từ ông N và không có yêu cầu trong vụ án.

Tại Kết luận định giá tài sản số 173/KL-HĐĐGTS ngày 30/08/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp quận - Ủy ban nhân dân quận G kết luận 01 điện thoại di động OPPO RENO 12 5G, dung lượng 512 GB màu hồng số IMEI 869029076343473, đã qua sử dụng theo giá thị trường tại thời điểm định giá là 9.500.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động OPPO RENO 12 5G, dung lượng 512 GB màu hồng số IMEI 869029076343473, cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà T;

- 01 điện thoại di động Samsung A33 5G màu xanh, đã qua sử dụng là tài sản của Bùi Thị Ngọc H.

Cáo trạng số 302/CT-VKS-QGV ngày 07/10/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận G đã truy tố Bùi Thị Ngọc H về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận G vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo H về tội "Trộm cắp tài sản", đề nghị Hội đồng xét xử:

- Xem xét các tình tiết giảm nhẹ bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo đang nuôi con nhỏ 03 tuổi; tình tiết tăng nặng không có; xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo H trả cho ông N số tiền 5.500.000 đồng.

- Xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động Samsung A33 5G (thu giữ của bị cáo) trả lại bị cáo H.

Bị cáo H không tranh luận, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án khoan hồng vì đã nhận thức được hành vi sai phạm của mình và quyết tâm sửa chữa, không vi phạm pháp luật.

Bị hại bà T xác nhận đã nhận lại được chiếc điện thoại, không có yêu cầu gì trong vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đang nuôi hai con, trong đó có một con mới ba tuổi.

Ông N và ông T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông N có yêu cầu xin vắng mặt; ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra và truy tố đã có lời khai của ông T nên sự vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292; Điều 305 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo H tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 17/7/2024, bị cáo H đã lén lút chiếm đoạt một điện thoại di động hiệu OPPO RENO 12 5G màu hồng, dung lượng 512 GB của bà T tại địa chỉ giá trị tài sản trộm cắp là 9.500.000 đồng theo Kết luận định giá tài sản số 173/KL-HĐĐGTS ngày 30/08/2024. Hành vi nêu trên của bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận G đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4]. Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Bị cáo muốn chiếm đoạt tài sản để tiêu xài cá nhân không qua lao động chân chính nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần phải có mức án thoả đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[5]. Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đã trả cho ông N 500.000 đồng và bị cáo đang nuôi con nhỏ được 03 tuổi 03 ngày theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên cho bị cáo.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo H có nhân thân tốt, có các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, có khả năng tự cải tạo, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng nên xét thấy không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo cũng đủ để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo. Việc cho bị cáo H

hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phù hợp với Điều 65 của Bộ luật hình sự.

[7]. Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, không có thu nhập ổn định, không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Bà T đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu nào khác. Ông T không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông N yêu cầu bị cáo trả số tiền đã cầm cố điện thoại 6.000.000 đồng, ngày 17/02/2025, bị cáo đã trả cho ông N được 500.000 đồng, tại phiên tòa, bị cáo đồng ý trả tiếp cho ông N 5.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông N, buộc bị cáo trả cho ông N số tiền 5.500.000 đồng.

[9]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xét thấy: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A33 5G màu xanh đã qua sử dụng không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo H, theo Phiếu nhập kho vật chứng số 331/PNK ngày 02/12/2024 của Công an quận G.

[10]. Vấn đề khác: Ông N và ông T không biết chiếc điện thoại do bị cáo H trộm cắp mà có nên không vi phạm pháp luật.

[11]. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Ngọc H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Ngọc H 09 (chín) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao Bùi Thị Ngọc H cho Ủy ban nhân dân Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp Bùi Thị Ngọc H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 168 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Bị cáo Bùi Thị Ngọc H phải trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 5.500.000 (năm triệu năm trăm ngàn) đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án trên khoản tiền chưa thi hành án.

3. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Trả lại cho Bùi Thị Ngọc H 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A33 5G màu xanh đã qua sử dụng, theo Phiếu nhập kho vật chứng số 331/PNK ngày 02/12/2024 của Công an quận G.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Bùi Thị Ngọc H nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Bùi Thị Ngọc H nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

(Chủ tọa phiên tòa đã giải thích chế định án treo cho bị cáo).

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- VKSND TP.HCM;
- Cơ quan THAHS, CA Q.Gò Vấp
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- Sở Tư Pháp TP.HCM
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Cúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**